TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 340/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;

2. Ông Lý Khắc Chung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Văn Hòa, cán bộ Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên;

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật P, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp N, xã M, huyện P, tỉnh An Giang.

Những người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị T;

+ Ông Nguyễn Văn H1;

Ông P có mặt tại phiên tòa; Bà H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; bà T, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn ông P trình bày:

Ông với bà H, chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ngày 14/02/2012. Trong thời gian chung sống vợ cH phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 9/2012 đến nay. Nay ông thấy mâu thuẫn vợ cH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Trong thời gian chung sống ông với bà H không có con chung, tài sản chung hay nợ chung.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là mẹ ruột của bà H, hiện bà H đang sinh sống và cư trú cùng với bà, sự việc ly hôn bà H đã biết. Giữa vợ cH ông P và bà H có xảy ra mâu thuẫn sau bảy tháng chung sống và sống ly thân đến nay, bà H đồng ý ly hôn nhưng do bận làm ăn không có thời gian đến Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông là cậu ruột của ông P, giữa ông P và bà H có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Bị đơn, bà H đã nhận được đầy đủ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt, nhưng bà H không đến Tòa án để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án tiến hành tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định, đồng thời thông báo kết quả về phiên họp cho bà H được biết.

Tại phiên tòa,

Ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tống đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, giữa ông P và bà H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ cH. Ông P với bà H là vợ cH, nhưng không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nên, xét thấy vợ cH không thể tiếp tục hàn gắn được, mâu thuẫn vợ cH đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P; Về con chung: không có; Về tài sản chung - nợ chung: không xem xét;

Đương sự cùng xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà H có địa chỉ nơi cư trú tại xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của bà H: Tòa án tiến hành thực hiện việc cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà H vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Ông P với bà H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ngày 14/02/2012 nên hôn nhân giữa ông P, bà H là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ cH.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ cH bà H, ông P thường phát sinh mâu thuẫn, vợ cH thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ cH không hạnh phúc, dẫn đến bà H với ông P không còn sống chung khoảng sáu năm nay.

Tại biên bản các Biên bản ghi lời khai bà T, ông H1 đều thể hiện giữa ông P và bà H có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân khoảng sáu năm nay. Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ cH có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ cH có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Thế nhưng vợ cH bà H, ông P không còn chung sống khoảng sáu năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ cH không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ cH không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho ông P được ly hôn bà H.

[2.2] Xét về con chung: Ông P trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ*

thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, ông P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Nhựt P được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H.

- *Về con chung:* Không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đề cập xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số TU/2016/0002538 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; ông P đã nộp đủ án phí; Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà H là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức